

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.1

Số : 04/CT/HĐQT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



TP.HCM, ngày 07 tháng 09 năm 2007.

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế quản lý Tài chính của Công ty Cổ Phần LILAMA 45.1

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.1

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Căn cứ Điều Lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ Phần LILAMA 45.1.
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 19/07/2007 thông qua Quy chế quản lý tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Ban hành theo Quyết định này Quy chế quản lý Tài chính của Công ty Cổ Phần LILAMA 45.1.

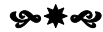
Điều 2 : Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều được bãi bỏ.

Điều 3 : Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh văn phòng, Trưởng các phòng ban và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.1**

Nơi nhận:

- Như Điều 3(T/h)
- Tổng Công ty LMVN (Báo cáo)
- Lưu HĐQT, VP



Thành phố HCM, ngày 07 tháng 09 năm 2007

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.1

(Ban hành kèm theo Quyết Định số : 04/CT/HĐQT ngày 07 tháng 09 năm 2007 của
Hội Đồng Quản trị Công ty cổ phần LILAMA 45.1)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Công ty

Công ty cổ phần LILAMA 45.1 (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp độc lập, thành lập theo hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Lắp máy và xây dựng 45.1 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty cổ phần LILAMA 45.1, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm về tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ, có các quyền và nghĩa vụ dân sự.

Điều 2 : Giải thích một số từ ngữ

2.1. “Cổ phần chi phối” là số cổ phần chiếm trên 50% vốn điều lệ của Công ty.

2.2. “Vốn huy động của Công ty” là số vốn Công ty huy động theo các hình thức: Phát hành trái phiếu, vay của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm.

2.3. “Bảo toàn vốn điều lệ của Công ty” là việc giữ nguyên, không để thâm hụt số vốn điều lệ của Công ty trong suốt quá trình kinh doanh.

2.4. Ban quản lý điều hành Công ty bao gồm Hội đồng quản trị Công ty và

Ban Tổng giám đốc Công ty (Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc).

2.5. "Vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác" là vốn do Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

2.6. "Đại diện chủ sở hữu vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác" là Hội đồng quản trị Công ty (sau đây gọi là Đại diện chủ sở hữu).

2.7. "Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác" (sau đây gọi là Người đại diện) là người được Hội đồng quản trị Công ty cử để ứng cử hoặc tham gia vào Ban quản lý điều hành doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty.

Điều 3 : Đơn vị thành viên

Công ty có các Đơn vị thành viên có quan hệ gắn bó với nhau về vốn, về lợi ích kinh tế, tài chính, công nghệ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu, tiếp thị hoạt động trong và ngoài nước :

3.1. Các đơn vị trực thuộc do Công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ.

3.2. Các Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Công ty.

Điều 4 : Tài sản của Công ty

4.1. Tài sản của Công ty được hình thành từ vốn điều lệ của Công ty, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do Công ty quản lý và sử dụng. Tài sản của Công ty bao gồm:

4.2. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, tài sản lưu động tại văn phòng Công ty và tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc;

4.3. Các khoản đầu tư dài hạn, bao gồm vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác. Các khoản đầu tư trái phiếu, tín phiếu dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác;

4.4. Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty dưới mọi hình thức.

Điều 5 : Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với :

5.1. Văn phòng Công ty, các đơn vị trực thuộc Công ty.

5.2. Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Doanh nghiệp khác.

Điều 6 : Kiểm tra, giám sát

Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát của các cổ đông thông qua Ban kiểm soát; của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của Pháp luật, tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán, kế toán thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do Pháp luật quy định. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tổ chức hoạt động và các vấn đề liên quan khác định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của ả hà nước và của Đại hội đồng cổ đông công ty.

CHƯƠNG II

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

MỤC I. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY

Điều 7: Vốn điều lệ của Công ty

7.1. Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông tự nguyện tham gia đóng góp bằng nguồn vốn hợp pháp của mình.

Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt   am, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật được quy đổi theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt   am.

7.2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là : 48.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ đồng). Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ.

7.3. Cơ cấu vốn Điều lệ phân theo sở hữu như sau:

- Vốn thuộc sở hữu   hà nước đại diện bởi Tổng công ty Lắp máy Việt   am là : 24.480.000.000 đồng; chiếm 51% vốn điều lệ.

- Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông là 23.520.000.000 đ chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trong quá trình kinh doanh Tổng công ty không được trực tiếp rút vốn đã đầu tư tại công ty mà chỉ được thực hiện thông qua việc chuyển nhượng cổ phần. Việc chuyển nhượng cổ phần phải theo quy định của pháp luật và quy định Điều lệ Công ty.

7.4. Việc tăng (giảm) vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được cơ quan   hà nước có thẩm quyền chấp nhận. Thủ tục xác nhận vốn điều lệ thực hiện tại cơ quan   hà nước có thẩm quyền.

7.5. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

- Kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký.

- Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.

- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.

- Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.

7.6. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác phù hợp với quy định của Pháp luật).

Điều 8 : Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong việc sử dụng vốn và quỹ do Công ty quản lý

Công ty có quyền chủ động sử dụng vốn và các quỹ của mình để phục vụ kịp thời nhu cầu kinh doanh theo nguyên tắc hiệu quả, bảo toàn và sinh lãi. Trường hợp sử dụng nguồn vốn và các quỹ khác với mục đích đã quy định cho các nguồn vốn, quỹ đó thì phải theo nguyên tắc hoàn trả. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư và xây dựng phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư.

Điều 9 : Huy động vốn

9.1. Công ty có quyền huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để phục vụ cho mục đích hoạt động kinh doanh. Công ty phải chịu trách nhiệm về mục đích và hiệu quả của việc vay vốn, sử dụng vốn, hoàn trả vốn và lãi theo đúng cam kết trong hợp đồng.

9.2. Công ty được vay vốn từ quỹ nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Việc vay trả theo các quy định của Pháp luật và điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định mức lãi suất nội bộ.

9.3. Về nguyên tắc lãi suất huy động vốn theo hình thức vay vốn, phát hành trái phiếu của Công ty theo lãi suất thực tế nhưng tối đa không quá tỷ lệ lãi suất do ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định cho các tổ chức tín dụng. Lãi suất huy động vốn phải được ghi trong kế ước hoặc hợp đồng vay vốn và được hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính của Công ty.

9.4. Trách nhiệm sử dụng và hoàn trả vốn vay:

Việc vay vốn, huy động vốn phải được tính toán cân nhắc kỹ về hiệu quả kinh tế. Vốn vay chỉ được sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, nghiêm cấm việc sử dụng cho các mục đích khác. Vốn vay phải được quản lý chặt chẽ, kinh doanh có hiệu quả.

Công ty có trách nhiệm hoàn trả vốn và lãi vay theo đúng cam kết được ghi trong hợp đồng vay vốn.

Tổng giám đốc có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt phương án vay vốn, huy động vốn dựa trên nhu cầu phục vụ sản xuất

kinh doanh (bao gồm cả vốn vay ngắn hạn, vốn vay trung hạn và vốn vay dài hạn) hàng quý, hàng năm của Công ty. Ắt ếu phương án vay vốn không có hiệu quả dẫn đến tổn thất tài sản thì tùy theo mức độ tổn thất, nguyên nhân chủ quan gây ra tổn thất, người phê duyệt, người xây dựng phương án vay vốn phải chịu xử lý trách nhiệm theo các hình thức: Giảm hoặc cắt tiền thưởng, không nâng bậc lương (nếu đã đến hạn), hạ bậc lương, khiển trách, cảnh cáo, thôi chức đương nhiệm, bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật, các sai phạm, nếu cấu thành tội phạm thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 10 : Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

10.1. Công ty được quyền sử dụng vốn, tài sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư ra ngoài Công ty. Riêng việc sử dụng quyền sử dụng đất để đầu tư ra ngoài Công ty phải thực hiện theo các quy định của Luật đất đai.

Việc đầu tư ra ngoài Công ty phải đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, bảo toàn và sinh lãi, không ảnh hưởng đến nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

10.2. Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty bao gồm:

- Đầu tư thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- Mua cổ phần hoặc góp vốn để thành lập Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty hợp danh, Công ty liên doanh, Công ty liên kết; góp vốn hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;
- Mua lại Công ty khác;
- Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi;
- Các hình thức đầu tư khác theo Pháp luật quy định.

10.3. Vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác bao gồm:

- Vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị những tài sản khác, trong đó có giá trị thương hiệu;
- Vốn do Công ty vay để đầu tư;
- Lợi tức và các khoản được chia khác do Công ty đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác dùng để tái đầu tư tại các doanh nghiệp này;
- Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

10.4. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư vốn ra ngoài Công ty:

- Tất cả các dự án đầu tư ra ngoài Công ty dưới mọi hình thức, Tổng Giám đốc Công ty phải lập phương án trình Hội đồng quản trị Công ty quyết định;

- Công ty không được phép đầu tư vào các doanh nghiệp khác mà bố, mẹ, vợ, chồng, con của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng là người quản lý điều hành hoặc là người sở hữu.

10.5. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn đầu tư ra ngoài Công ty; thu lợi nhuận từ việc đầu tư này; cử người trực tiếp quản lý phần vốn góp tại doanh nghiệp khác.

Điều 11 : Cử người đại diện phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác

- Công ty thực hiện quản lý vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác thông qua việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu vốn hoặc cổ đông hoặc người góp vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác.

- Trách nhiệm và quyền hạn của người trực tiếp quản lý phần vốn đầu tư ra ngoài Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Đại hội đồng cổ đông về bảo toàn vốn có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, hàng quý báo cáo về hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận phân phối các vấn đề tăng giảm vốn, thực hiện quyền hạn nhiệm vụ theo hợp đồng, Điều lệ của Công ty.

MỤC II. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CÔNG TY

Điều 12 : Tài sản cố định, đầu tư tài sản cố định

12.1. Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính. Tài sản cố định được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Công ty được quyền lựa chọn các phương án đầu tư mua sắm tài sản cố định, đổi mới thiết bị công nghệ hoặc thay đổi cơ cấu tài sản cố định phù hợp với mục tiêu sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của tài sản cố định và hiệu quả sử dụng vốn.

12.2. Hội đồng quản trị Công ty quyết định các dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất, nhưng không quá mức cao nhất của dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

12.3. Các dự án đầu tư có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trên báo

cáo tài chính của Công ty công bố tại quý gần nhất phải trình Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

12.4. Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty về tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư.

Điều 13 : Khấu hao tài sản cố định

Tất cả tài sản cố định hiện có phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty đều phải trích khấu hao, gồm cả tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý; trừ những tài sản cố định thuộc công trình phúc lợi, công cộng, nhà ở được đầu tư bằng quỹ phúc lợi của Công ty. Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì không được trích khấu hao.

Tổng giám đốc xây dựng phương án tính khấu hao cụ thể cho từng tài sản cố định trình Hội đồng quản trị phê quyết, nhưng phải nằm trong phạm vi quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Toàn bộ vốn khấu hao tài sản cố định thuộc vốn chủ sở hữu được dùng vào việc trả nợ vay vốn hình thành các tài sản cố định, phần còn lại để tái đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản cố định và sử dụng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 14 : Cho thuê, thế chấp, cầm cố, tài sản

14.1. Công ty có quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty để tái đầu tư, đổi mới công nghệ (trừ những tài sản đi thuê, đi mượn, giữ hộ, nhận thế chấp). ả hững tài sản đi thuê, đi mượn nếu được bên cho thuê, cho mượn đồng ý, Công ty có thể cho thuê lại theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và sinh lãi, đảm bảo các thủ tục theo Pháp luật.

14.2. Hội đồng quản trị Công ty quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị lớn hơn hoặc bằng 50% mức vốn điều lệ của Công ty, bao gồm cả các hợp đồng cho thuê tài sản dưới dạng thuê hoạt động và thuê tài chính. Các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 50% mức vốn Điều lệ do Tổng giám đốc quyết định.

14.3. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của ả hà nước.

Điều 15 : Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

15.1. Công ty được quyền chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý

tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn.

15.2. Công ty phải thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định do Tổng giám đốc làm Chủ tịch hội đồng, các thành viên bắt buộc là Kế toán trưởng và một chuyên gia kỹ thuật am hiểu về loại tài sản cố định.

15.3. Hội đồng quản trị Công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn, có giá trị nguyên giá nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại thời điểm gần nhất. Các phương án có giá trị nguyên giá bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty thì người đại diện vốn phải xin ý kiến Tổng công ty Lắp máy Việt   am trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt..

- Tổng giám đốc quyết định nhượng bán, thanh lý tài sản đã hết khấu hao có giá trị nguyên giá đến 500 triệu Việt   am đồng tính cho một tài sản.

15.4. Việc nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

15.5. Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản và chi phí nhượng bán tài sản (nếu có) được hạch toán vào kết quả kinh doanh của Công ty.

Điều 16: Quản lý hàng tồn kho

16.1. Hàng tồn kho bao gồm hàng hoá mua về để bán còn tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, hàng gửi bán; nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường; sản phẩm dở dang đang trong quá trình sản xuất hoặc sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho hoặc thành phẩm đã gửi bán.

16.2. Giá hàng hoá tồn kho được xác định theo giá gốc bao gồm: Giá mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan như chi phí vận chuyển, chi phí bốc xếp, chi phí bảo quản, chi phí bảo hiểm, thuế nhập khẩu (nếu có) vv.. để đưa hàng hoá tồn kho về địa điểm và trạng thái hiện tại. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Việc hạch toán hàng tồn kho phải đồng thời hạch toán chi tiết cả về lượng và giá trị. Kế toán phải theo dõi chi tiết từng thứ, từng chủng loại, quy cách vật tư, hàng hoá theo từng địa điểm quản lý và sử dụng.

16.3. Công ty có trách nhiệm xử lý ngay những hàng tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

16.4. Công cụ, dụng cụ lao động xuất dùng được phân bổ giá trị một lần hoặc phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh, Công ty phải mở sổ chi tiết để theo dõi, quản lý và thực hiện kiểm kê như đối với công cụ, dụng cụ lao động tồn kho.

Điều 17 : Quản lý công nợ

17.1. Công ty phải mở sổ theo dõi các khoản công nợ theo từng đối tượng: Tổng số nợ phải thu, số đã thu được, số còn phải thu, tổng số nợ phải trả, số đã trả và số còn phải trả. Thường xuyên đơn đốc thu hồi nợ phải thu và thanh toán nợ phải trả.

17.2. Trước khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm. Công ty phải kiểm kê, đối chiếu từng khoản công nợ với chủ nợ hoặc khách nợ, phân loại công nợ, loại khoản nợ có thể trả đúng thời hạn, khoản khó đòi hoặc không có khả năng thu hồi để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý.

17.3. Công ty có quy chế rõ ràng về quản lý công nợ, quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân trong việc quản lý, theo dõi, đối chiếu thu hồi công nợ, phân tích khả năng trả nợ và phân cấp trong việc xử lý các khoản nợ khó đòi. Đối với các khoản nợ khó đòi phải lập hội đồng xử lý để xác định rõ số tiền không có khả năng đòi được, nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và kiến nghị biện pháp xử lý. Hội đồng quản trị quyết định phương án xử lý các khoản nợ khó đòi.

Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính. ếu còn thiếu, thì được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.

17.4. ếu hững khách nợ có giao dịch mua, bán hàng thường xuyên với Công ty có dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng cần tiến hành kiểm tra, đối chiếu (bằng văn bản) từng khoản công nợ đã phát sinh, đã thu hồi và số còn nợ. Các khách hàng không thanh toán bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản, mà thanh toán bằng hàng (trường hợp hàng đổi hàng) hoặc bù trừ giữa nợ phải thu và nợ phải trả cần có đủ các chứng từ hợp pháp, hợp lệ liên quan như biên bản đối chiếu công nợ, biên bản bù trừ công nợ..

Điều 18 : Kiểm kê tài sản

Công ty phải tổ chức kiểm kê, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Công ty; hoặc theo chủ trương của ả hà nước. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

Điều 19 : Xử lý tài sản tổn thất

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

19.1. ả ều nguyên nhân do chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường.

19.2. Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

19.3. Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

19.4. ả hững trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty không thể tự khắc phục được thì Công ty lập phương án xử lý tổn thất trình Đại hội đồng cổ đông và cơ quan tài chính có thẩm quyền.

19.5. Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

19.6. Công ty phân cấp xử lý tổn thất như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức bồi thường tổn thất về tài sản với mức độ tổn thất của một vụ việc với giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

- Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức bồi thường tổn thất về tài sản với mức độ tổn thất của một vụ việc với giá trị từ 20 triệu đồng trở lên ủy quyền Tổng giám đốc xử lý đối với tổn thất tài sản dưới mức 20 triệu và chịu trách

nhiệm về quyết định của mình.

Điều 20 : Đánh giá lại tài sản

Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- Kiểm kê, đánh giá lại tài sản định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông;
- Đa dạng hoá hình thức sở hữu, chuyển đổi hình thức sở hữu;
- Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty;
- Dùng tài sản để cho thuê;
- Điều chỉnh giá để đảm bảo giá trị thực tế tài sản Công ty;
- Giải thể Công ty.

Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của ả hà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản được thực hiện theo quy định của nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 21: Phân cấp quản lý tài sản

Tài sản trong Công ty được phân cấp cho các phòng ban có nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý như sau:

- Phòng Kế toán tài chính có trách nhiệm quản lý về mặt giá trị toàn bộ tài sản (tài sản cố định, tài sản lưu động), tiền mặt và chứng phiếu có giá trị như tiền.
- Phòng Cung ứng vật tư - xuất nhập khẩu có trách nhiệm quản lý toàn bộ vật tư, thiết bị, bao bì luân chuyển do Công ty mua sắm và Chủ đầu tư cấp. Quản lý một phần tài sản cố định, tài sản cố định thuê ngoài và công cụ, dụng cụ cầm tay thuộc phạm vi mình quản lý (Danh mục tài sản, công cụ cầm tay sẽ được quy định cụ thể).
- Phòng Quản lý máy quản lý một phần tài sản cố định, tài sản cố định thuê ngoài và công cụ, dụng cụ cầm tay thuộc phạm vi mình quản lý (Danh mục tài sản, được quy định cụ thể).
- Phòng Tổ chức hành chính quản lý toàn bộ tài sản, dụng cụ, vật tư hành chính.
- Phòng Pháp chế - Đầu tư quản lý đất đai, văn phòng, nhà xưởng.

Điều 22 : Bảo toàn vốn

Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn và tài sản theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi. Cụ thể :

22.1. Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản theo Quy định của Công ty.

22.2. Mua bảo hiểm tài sản theo quy định.

22.3. Được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí hoạt động khác các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Là khoản dự kiến giảm giá vật tư, hàng hoá tồn kho sẽ xảy ra trong kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi: Là dự kiến các khoản công nợ không có khả năng thu hồi được trong tổng số nợ phải thu của Công ty.

- Dự phòng các khoản giảm giá chứng khoán trong hoạt động tài chính.

- Dự phòng các khoản giảm giá giữa đồng Việt ấ am so với đồng ngoại tệ.

Việc trích lập các khoản dự phòng này phải theo đúng quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán và hướng dẫn của Bộ tài chính.

MỤC III : DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH

Điều 23 : Doanh thu

23.1. Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác.

23.2 Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh gồm doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường và doanh thu hoạt động tài chính.

a) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thông thường là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của Công ty sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu bán hàng, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại (nếu có chứng từ hợp lệ). Trong trường hợp Công ty thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh thu bao gồm cả các khoản trợ cấp của ả hà nước cho Công ty khi Công ty thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo nhiệm vụ ả hà nước giao mà thu không bù đắp chi.

b) Doanh thu về hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, cho các bên sử dụng tài sản của Công ty, tiền lãi từ việc cho vay

vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn và lợi nhuận được chia từ việc đầu tư ra ngoài Công ty.

c) Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác.

d) Phòng Kế toán tài chính chịu trách nhiệm phối hợp với phòng Kinh tế kỹ thuật và đơn vị thi công xác định doanh thu theo đúng các quy định hiện hành của ả hà nước. Phòng Kinh tế kỹ thuật chuyển cho phòng Kế toán tài chính một bộ chứng từ gốc để kiểm tra, hạch toán doanh thu và phối hợp với các đơn vị đơn đốc thu hồi công nợ.

Điều 24 : Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính, bao gồm :

24.1. Chi phí sản xuất kinh doanh :

a) Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

b) Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

c) Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động.

d) Kinh phí bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động mà Công ty phải nộp theo quy định.

đ) Chi phí giao dịch, hoa hồng môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh nhưng theo nguyên tắc phải đảm bảo thực hiện được chỉ tiêu mức khấu hao cơ bản và tỷ suất lợi nhuận kế hoạch được giao cũng như tuân thủ các quy định về quản lý khoản chi này. Tổng giám đốc quyết định và chịu trách nhiệm về mức chi cụ thể.

e) Chi phí bằng tiền khác bao gồm:

- Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, môn bài.

- Tiền thuê đất.
- Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động.
- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động.
- Chi cho công tác y tế, chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ.
- Thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Tổng giám đốc Công ty quyết định căn cứ vào hiệu quả các việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do các việc đó mang lại trong một năm.
- Chi phí cho lao động nữ.
- Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường.
- Chi phí ăn ca cho người lao động.
- Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại Công ty (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định).
- Các khoản chi bằng tiền khác.
- Giá trị tài sản tồn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định Khoản 17.3, Điều 17 và Khoản 19.3, Điều 19 của Quy chế này.
- Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng mất việc làm, thôi việc, trích lập theo quy định của chế này, chênh lệch tỷ giá theo số dư nợ vay dài hạn bằng ngoại tệ, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm.

24.2. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi liên quan đến đầu tư ra ngoài Công ty, tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá khi thanh toán, chi phí chiết khấu thanh toán, chi phí cho thuê tài sản, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

24.3. Chi phí khác, bao gồm:

- Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định (bao gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán).
- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán.
- Chi phí để thu tiền phạt.
- Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

- Các chi phí khác.

24.4. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

- Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình.

- Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của các khoản đầu tư xây dựng phát sinh trước thời điểm đưa công trình vào sử dụng.

- Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các khoản chi không có chứng từ hợp lệ.

- Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh Công ty mà do cá nhân gây ra.

Điều 25 : Quản lý chi phí

Công ty phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí và giá thành sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận.

Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của Công ty. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho người lao động trong Công ty biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát. Trường hợp không thực hiện được các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm để xử lý tiếp theo quy định của Pháp luật. Ắ ếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại. Thẩm quyền quyết định định mức bồi thường theo quy định tại Khoản 19.6, Điều 19 quy chế này.

Phòng Kế toán - Tài chính hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh toán các chứng từ chi phí của các phòng ban chức năng, các đơn vị thi công và khách hàng, kiểm soát việc chi tiêu tài chính, sử dụng vật tư và các yếu tố chi phí đầu vào trong sản xuất kinh doanh theo đúng các quy định hiện hành của ắ hà nước và tổ chức quản lý chứng từ theo chế độ hiện hành.

Mọi cá nhân hoặc đại diện cho các đơn vị trong Công ty khi thực hiện việc chi tiêu bằng các nguồn vốn của Công ty phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật ắ hà nước về tính hợp pháp của các hóa đơn, chứng từ thanh toán.

Giao phòng Kinh tế - Kỹ thuật - Kế hoạch kết hợp phòng Kế toán - Tài chính lập quy chế khoán chi phí cho các đơn vị sản xuất

Giao cho phòng Kinh tế - Kỹ thuật – Kế hoạch kết hợp phòng Kế toán - Tài chính, phòng Cung ứng vật tư lập quy chế mua sắm và cung cấp vật tư.

Tổ chức hạch toán chi phí, giá thành và tiêu thụ sản phẩm theo danh mục các hợp đồng kinh tế. Chứng từ gốc đều được ghi chép chi tiết theo danh mục các hợp đồng kinh tế.

Phòng Kế toán - Tài chính chịu trách nhiệm hạch toán đầy đủ, trung thực, kịp thời, có hệ thống mọi yếu tố chi phí phát sinh trong kỳ để lập báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo yêu cầu quản lý.

Định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nhằm phát hiện những yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục.

Điều 26 : Giá thành sản phẩm hàng hóa, chi phí dịch vụ tiêu thụ

26.1. Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá thành hàng hoá bán ra) bao gồm: Giá thành sản phẩm, hàng hoá sản xuất tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá vốn hàng hoá bán ra); chi phí quản lý Công ty phát sinh trong kỳ; chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.

Chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ bao gồm chi phí dịch vụ phát sinh trong kỳ, chi phí quản lý phát sinh trong kỳ, chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.

26.2. ả nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm, chi phí dịch vụ theo quy định sau:

a) Giá thành sản xuất sản phẩm, dịch vụ gồm:

- Chi phí về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu và động lực sử dụng trực tiếp cho sản phẩm, dịch vụ.

- Các khoản phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như: Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, chi ăn giữa ca, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.

- Chi phí sản xuất chung: Chi phí chung phát sinh ở các phân xưởng, bộ phận kinh doanh của Doanh nghiệp như: Tiền lương, phụ cấp, ăn giữa ca, chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài và các khoản chi phí bằng tiền khác.

b) Giá thành toàn bộ của sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ bao gồm :

- Chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ (Mục a).

- Chi phí bán hàng : Các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá dịch vụ như: Tiền lương, các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng, hoa hồng đại lý, hoa hồng môi giới, tiếp thị, đóng gói, vận chuyển, bảo quản, khấu hao tài sản cố định, chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí quản lý Công ty: Gồm các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và các chi phí chung khác có liên quan đến hoạt động của Công ty.

Toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý Công ty được kết chuyển cho sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong năm để xác định kết quả kinh doanh.

Đối với sản phẩm có thời gian sản xuất trên 1 năm thì chi phí quản lý Công ty phát sinh trong năm được phân bổ cho sản phẩm dở dang.

26.3. Hạch toán chi phí đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng:

- ả ếu áp dụng phương pháp khấu trừ thuế thì chi phí không bao gồm tiền thuế giá trị gia tăng đầu vào.

- ả ếu áp dụng phương pháp trực tiếp thì chi phí bao gồm cả tiền thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Điều 27 : Lợi nhuận thực hiện

27.1. Lợi nhuận thực hiện trong năm của Công ty là tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.

27.2. Lợi nhuận kinh doanh bao gồm:

- Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

27.3. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

MỤC IV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 28 : Phân phối lợi nhuận

28.1. Lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy

định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

- Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có).

- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

- Trích 5% vào quỹ dự trữ bắt buộc; Khi số dư bằng 10% vốn điều lệ thì không trích nữa.

28.2. Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định như: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

28.3. Số lợi nhuận còn lại sau đi trừ đi các khoản (29.1; 29.2) được dùng để chia lãi cổ phần (cổ tức) cho các cổ đông theo Phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 29 : Sử dụng các quỹ

Công ty sử dụng các quỹ theo kế hoạch sử dụng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

29.1. Quỹ dự trữ bắt buộc được dùng để :

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được trong quá trình kinh doanh.

- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

29.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để:

- Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất.

- Bổ sung vốn điều lệ Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

29.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng định kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ công nhân viên trong Công ty.

- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.

- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Mức thưởng trên do Tổng giám đốc Công ty quyết định nhưng phải nằm trong kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Riêng điểm 1 cần tham khảo ý kiến của tổ chức công đoàn trước khi quyết định.

29.4. Quỹ phúc lợi được dùng để :

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- ả goài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn, đột xuất cho những người lao động kể cả trường hợp đã về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng Quỹ phúc lợi do Tổng giám đốc Công ty quyết định sau khi tham khảo ý kiến của công đoàn Công ty, nhưng phải nằm trong kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

MỤC V : CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 30: Vốn điều lệ và cổ phần

30.1. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu. Số tiền ghi trên cổ phiếu là mệnh giá cổ phiếu. Các loại cổ phiếu do Công ty phát hành gồm: cổ phiếu ghi danh và cổ phiếu không ghi danh.

30.2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.800.000 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 10.000 Vđ. Mỗi cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

Điều 31: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

31.1. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây:

- Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
- Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
- Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh phát hành chứng khoán theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới

và người bảo lãnh; số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

31.2 Cổ phần đó được bán hoặc đó được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ các thông tin về tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần, ngày tháng đăng ký cổ phần vào sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm ghi vào sổ đăng ký cổ đông người mua cổ phần hoặc người nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

31.3 Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

31.4 Việc chuyển nhượng cổ phần chỉ có hiệu lực khi các bên thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển nhượng và ghi vào sổ đăng ký cổ đông tại Công ty hoặc Công ty chứng khoán mà Công ty uỷ quyền.

31.5 Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải thực hiện theo các quy định sau đây:

- Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị Công ty, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn của cổ đông xin chuyển nhượng cổ phiếu, phải xem xét, xử lý việc chuyển nhượng. Trong trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo rõ lý do cho các cổ đông. Trường hợp cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần là thành viên của Hội đồng quản trị, thì Cổ đông đó không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phiếu ghi danh của mình.

- Đối với cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng Công ty phải nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng từ ngày niêm yết chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu ả hà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

- Trong 03 năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần được quyền chào bán. Cổ phiếu ghi danh của cổ đông sáng lập (không phải là thành viên Hội đồng quản trị) chỉ được chuyển nhượng cho người khác khi được Hội đồng quản trị Công ty phê chuẩn.

Hết thời hạn 03 năm kể từ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế về việc chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập được bãi bỏ.

3.6 Các cổ đông sáng lập không được rút khỏi tư cách thành viên Công ty trong vòng 02 năm tài chính đầu tiên của Công ty. Việc chấm dứt tư cách thành viên phải được đề nghị bằng văn bản và gửi bằng đường bưu điện cho Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, các cổ đông sáng lập còn lại sẽ có quyền ưu tiên mua trước số cổ phần của cổ đông sáng lập trên, theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần sở hữu.

31.7 Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phần ghi danh đều phải thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và (trừ trường hợp cổ phiếu đó được thanh toán đầy đủ) bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng uỷ quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội đồng cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

31.8 Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.

31.9 Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải toả tài sản của cổ đông đó chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 32 : Thừa kế cổ phần

32.1 Trường hợp cổ đông cá nhân qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ số cổ phần của người đó mất:

- ả gười hoặc những người thừa kế hợp pháp theo quy định của pháp luật dân sự về quyền thừa kế và được cơ quan pháp luật có thẩm quyền xác định.

- Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

32.2. ả gười hoặc những người cùng thừa kế hợp pháp nếu đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế sau khi vào sổ cổ đông sẽ trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của các cổ đông mà họ thừa kế.

Điều 33 : Thu hồi cổ phần

33.1. ả ếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả

mua cổ phần, thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào, để yêu cầu thanh toán số tiền phải trả cùng với lãi suất cụ thể được lũy kế trên tài khoản đó, và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

33.2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

33.3. ả ếu các yêu cầu của thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đó được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại quy chế này.

33.4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác nhau cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc bị giao nộp đó từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ một người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. ả ếu cần, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.

33.5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó vào thời điểm thu hồi cộng với tiền lói theo tỷ lệ %/01 năm theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

33.6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 34 : Phát hành cổ phiếu, trái phiếu

34.1. Cổ phiếu, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt   am, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, giá trị thương hiệu, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác được quy thành tiền đồng Việt   am tại thời điểm mua cổ phiếu phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần.

34.2. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các Luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đó cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

34.3. Phát hành trái phiếu: Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quyết định của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành trái phiếu.

Điều 35 : Mua lại cổ phần

35.1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của các cổ đông.

35.1.1 Cổ đông biểu quyết phản đối về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ của Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến trụ sở chính của Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Quyết định về các vấn đề nêu trên.

35.1.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 35.1.1 điều này với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định của Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không tho  thuận được thì cổ đông có thể bán cổ phần của mình cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức chuyên nghiệp định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

35.2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

35.2.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đó được chào bán trong mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

35.2.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại cổ phần không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 35.2.3 điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại.

35.2.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được trụ sở chính của Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 36 : Trả cổ tức

36.1. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

36.2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty, nhưng không vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đó tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

36.3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông nhận được cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi

đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ cổ đông, số cổ phần của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

36.4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan đến một cổ phiếu. Công ty có thể trực tiếp trả cổ tức cho các cổ đông hoặc thông qua một Công ty chứng khoán được Công ty uỷ quyền để thực hiện việc chi trả cổ tức.

36.5. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan đến một cổ phiếu được chi trả bằng tiền đồng Việt ả am và có thể được thanh toán bằng tiền mặt, séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đó đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. ả goài ra mọi khoản cổ tức hay các khoản tiền có liên quan tới một cổ phiếu có thể chi trả bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đó cú thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông. ả ếu Công ty đó chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được.

36.6. Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng tiền mặt, hoặc bằng cổ phần phổ thông tương ứng với mức cổ tức được hưởng.

36.7. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

Điều 37 : Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

37.1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 35 của Quy chế, nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

37.2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 35 của Quy chế này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

37.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đó được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đó được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

37.4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 38 : Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 35 hoặc trả cổ tức trái với Điều 36 của Quy chế này thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc số tài sản khác đó nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

MỤC VI : KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 39 : Kế hoạch tài chính

Công ty xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Tổng Giám đốc Công ty giao cho phòng Kế toán tài chính căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính công ty xây dựng Kế hoạch tài chính hàng năm để Tổng Giám đốc làm căn cứ trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch tài chính của Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông làm căn cứ giám sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty.

Điều 40 : Công tác kế toán, thống kê

Công ty phải tổ chức thực hiện chế độ kế toán thống kê theo đúng các quy định hiện hành của ả hà nước.

- + Ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian.
- + Mở sổ sách kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán.
- + Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế đầy đủ, trung thực, chính xác, khách quan.
- + Lưu trữ chứng từ trên máy vi tính và trên sổ sách kế toán theo quy định của pháp lệnh kế toán.

Điều 41 : Báo cáo tài chính

Ấm tài chính của Công ty tính theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Ấm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty chính thức thành lập và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm đó.

Kỳ kế toán trong niên độ kế toán là:

- Tháng, tính từ ngày 1 đến hết ngày cuối cùng của tháng.
- Quý tính từ ngày 1 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

Công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, kiểm toán và cơ chế tài chính do ả hà nước quy định, lập và gửi báo cáo quyết toán quý, năm đúng mẫu biểu, thời gian quy định, chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của số liệu, tài liệu. Báo cáo quyết toán tài chính tổng hợp năm của Công ty gồm các mẫu biểu theo quy định cụ thể trong Chuẩn mực kế toán. ả ngoài Công ty ban hành hệ thống mẫu biểu báo cáo quản trị theo yêu cầu quản lý.

Báo cáo kế toán, thống kê phải chính xác. Tính toán các chỉ tiêu phải theo đúng nội dung và phương pháp trong Chuẩn mực kế toán và quy định của Tổng cục Thống kê. Báo cáo kế toán, thống kê phải lập trên cơ sở số liệu của các sổ kế toán, thống kê các chứng từ. ả hững người có nhiệm vụ lập và ký duyệt các báo cáo kế toán, thống kê phải chịu trách nhiệm về sự chính xác của số liệu thuộc phạm vi chức năng của mình.

Định kỳ kết thúc năm tài chính, Công ty phải tiến hành kiểm kê tài sản và vốn hiện có. Kiểm kê, đối chiếu công nợ, xác định chính xác số tài sản thừa, thiếu, tài sản ứ đọng, mất phẩm chất, nguyên nhân và xử lý trách nhiệm, đồng thời để có căn cứ lập báo cáo tài chính của đơn vị.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập quyết toán năm của Công ty để trình Hội đồng quản trị thông qua, công bố công khai tình hình tài chính của Công ty theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các số liệu đã công bố. Các bản báo cáo này phải gửi đến Hội đồng quản trị Công ty, Ban kiểm soát Công ty ít nhất trước 15 ngày của kỳ Đại hội thường niên.

Sau đại hội, các văn bản, biên bản đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại Công ty theo quy định của Luật kế toán và theo Pháp luật của ả hà nước.

Công ty phải tổ chức thực hiện công tác kiểm tra nội bộ theo quy định của Bộ Tài chính nhằm phục vụ công tác điều hành của Tổng giám đốc Công ty và công tác giám sát, kiểm tra của Hội đồng quản trị. Công ty phải thuê các tổ chức kiểm toán độc lập đã được Bộ tài chính chấp nhận trong danh sách được Bộ Tài

chính phê duyệt xác nhận báo cáo tài chính. Việc chọn tổ chức kiểm toán độc lập được thực hiện theo điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty quy định.

Tài liệu kế toán bao gồm các chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo kế toán và các tài liệu khác có liên quan đến kế toán. Tài liệu kế toán phải được phân loại, sắp xếp, bảo quản chu đáo, an toàn theo đúng quyết định số 28/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 2/12/2000 về việc ban hành chế độ lưu trữ tài liệu kế toán. Tài liệu kế toán của mỗi niên độ kế toán phải được đưa vào lưu trữ chậm nhất sau một tháng sau khi báo cáo quyết toán năm được duyệt. Việc sử dụng tài liệu kế toán đã đưa vào lưu trữ phải có sự đồng ý của Kế toán trưởng. ầu ếu đem tài liệu kế toán ra ngoài đơn vị, phải được Kế toán trưởng đồng ý và Tổng giám đốc Công ty ký vào giấy đồng ý.

Đơn vị, cá nhân nào vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Điều 42 : Công khai thông tin về Công ty

+ Công bố công khai tóm tắt nội dung báo cáo tài chính tới các cổ đông trong công ty, nội dung công khai tóm tắt báo cáo tài chính được thực hiện theo điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật của ả hà nước.

+ Công khai tài chính đối với ả hà nước và các tổ chức tín dụng:

Hàng năm Công ty phải lập và gửi Báo cáo tài chính đến Tổng công ty Lắp máy Việt ả am, ả gân hàng và các cơ quan ả hà nước theo quy định hiện hành.

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm giải trình các vấn đề tài chính theo yêu cầu của cơ quan quản lý ả hà nước khi thực hiện chức năng quản lý theo quy định hiện hành.

Điều 43 : Đơn vị tiền tệ sử dụng

Các hoạt động kinh tế phát sinh được phản ánh bằng Đồng Việt ả am, nếu có phát sinh ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt ả am theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ả gân hàng do ả gân hàng ả hà nước Việt ả am công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Trong trường hợp đơn vị chủ yếu thu chi bằng ngoại tệ thì chọn một loại ngoại tệ do Bộ tài chính quy định để làm đơn vị tiền tệ kế toán, nhưng khi lập báo cáo tài chính sử dụng tại Việt ả am phải quy đổi ra Đồng Việt ả am theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ả gân hàng do ả gân hàng ả hà nước Việt ả am công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ

MỤC VII. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 44 : Tổng giám đốc

44.1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

44.2. Tổng giám đốc là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. ả ếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

44.3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

44.4. Các phó Tổng giám đốc phụ trách từng lĩnh vực giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc uỷ quyền.

44.5. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty, giúp Tổng giám đốc Công ty giám sát tài chính của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật trong phạm vi chức năng nhiệm vụ thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán của Công ty

44.6. Các phòng ban chức năng của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý điều hành công việc trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 45 : Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

45.1 Quyền hạn của Tổng Tổng giám đốc :

1. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch giá thành, các kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư của Công ty đó được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

2. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.

3. Trực tiếp ký các hợp đồng kinh tế, dân sự có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty tại thời điểm ký kết theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Đại hội

đồng cổ đông về hiệu quả của các hợp đồng đó ký.

4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt các quy chế quản lý Công ty, quy chế tài chính, quy chế quản lý đầu tư, quy chế quản lý mua, cấp phát vật tư, quy chế lao động tiền lương, quy chế sử dụng lao động,... kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức Công ty.

5. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị phê duyệt định hướng phát triển, kế hoạch dài hạn, xây dựng kế hoạch hàng năm của Công ty đảm bảo phương án huy động tối đa về vốn, dự án đầu tư, phương án liên doanh, quy hoạch đào tạo lao động trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

6. Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương phù hợp với quy định của ả hà nước trờnh Hội đồng quản trị phê duyệt, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ của Công ty.

7. Quyết định số lượng người lao động, lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty sau khi tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị.

8. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty.

9. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái ả ghi quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban Kiểm soát.

45.2 ả ghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng giám đốc:

1. Chậm nhất ngày 10 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và các kế hoạch khác cho năm tiếp theo trên cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Thực thi kế hoạch tài chính hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

3. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty.

4. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch hoạ, hoả hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

5. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

6. Chịu sự kiểm tra giám sát của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cơ quan ả hà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện điều hành của Công ty.

7. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của quy chế này và các quy chế khác của Công ty, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

8. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng quản trị khi được yêu cầu.

9. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của cổ đông.

11. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không đem cho, tặng tài sản của Công ty cho bất kỳ đối tượng nào khi chưa được Hội đồng quản trị phê duyệt.

12. Khi Công ty không thanh toán được các khoản nợ phải trả, các nghĩa vụ tài sản thì phải báo cáo Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho các chủ nợ biết và tìm giải pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty; không được tăng lương, trả tiền thưởng cho người lao động, cán bộ quản lý Công ty. ả ếu không thực hiện biện pháp này mà gây thiệt hại cho các chủ nợ thì phải chịu trách nhiệm cá nhân với các thiệt hại đó.

13. Trường hợp vi phạm điều lệ Công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

14. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động của Công ty.

15. Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của Công ty; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Công ty.

16. Lập và ký báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung

thực của số liệu báo cáo tài chính, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

17. Tổng giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, bị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau :

- Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty 2 lần trở lên hoặc 1 lần nhưng sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty.

- Để Công ty thua lỗ 2 năm liên tục hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ 2 năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng giữa 2 năm lỗ có một năm lãi hoặc hoà vốn; trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ có lý do khách quan được giải trình và đã được Hội đồng quản trị chấp nhận; ả hững năm mới hoạt động sau khi đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi đã xác định có lỗ.

- Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng quản trị giao hoặc không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

- Không tổ chức xác định các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác trình Hội đồng quản trị Ban hành hoặc tự ban hành; không phổ biến đến tận đối tượng thực hiện định mức, không tổ chức thực hiện các định mức; không tổ chức phân tích, đánh giá sửa đổi, bổ sung các định mức cho phù hợp với thực tế và yêu cầu công tác quản lý.

18. Trường hợp để Công ty thua lỗ hoặc tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ năm sau giảm hơn năm trước hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận do Hội đồng quản trị giao hoặc theo hợp đồng, không đảm bảo tiền lương tối thiểu cho người lao động thì bị hạ tiền lương, không được thưởng.

19. Bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm đối với các hành vi :

- Vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Quyết định các dự án đầu tư không hiệu quả, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư không đúng kế hoạch, kéo dài dẫn đến chậm thu hồi vốn; không thu hồi vốn được, không trả nợ được

20. Hàng năm phải có báo cáo về kết quả quản lý, hoạt động gửi Hội đồng quản trị.

21. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 46 : Chế độ khen thưởng

Điều kiện Công ty liên tục trong 3 năm liền hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo luật định, có lãi hoặc giảm lỗ và tỷ suất lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, bảo toàn và phát triển vốn thì Tổng giám đốc được tăng mức tiền thưởng đồng thời được xem xét nâng bậc lương trước thời hạn.

Điều 47 : Ủy quyền

1. Tổng giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho các phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền của mình.

2. Người được Tổng giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm trong phạm vi công việc được ủy quyền..

3. Việc ủy quyền đều phải thực hiện bằng văn bản.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 48 : Hội đồng quản trị Công ty là đại diện chủ sở hữu vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác

- Vốn đầu tư ở Công ty Tả HH một thành viên được chuyển đổi từ Xí nghiệp trực thuộc Công ty hoặc do Công ty đầu tư thành lập mới;
- Vốn đầu tư ở Công ty cổ phần;
- Vốn đầu tư liên doanh được hình thành trên cơ sở doanh nghiệp thành viên Công ty góp toàn bộ vốn vào liên doanh và không còn pháp nhân doanh nghiệp thành viên Công ty hoặc do Công ty góp vốn vào liên doanh.

Điều 49 : Quyền và nghĩa vụ của Đại diện chủ sở hữu vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác

Tổ chức là đại diện chủ sở hữu vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của Doanh nghiệp khác.
- Cử người đại diện để thực hiện quyền của cổ đông thành viên góp vốn, liên doanh. Quyết định bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ khác (trừ trường hợp người đại diện hưởng lương từ Doanh nghiệp khác).
- Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp khác.
- Giao nhiệm vụ cho người đại diện có nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của công ty trong Doanh nghiệp. Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người đại diện trong việc định hướng doanh nghiệp có cổ phần hóa, vốn góp chi phối của công ty về mục tiêu chiến lược của công ty.
- Quyết định hoặc trình người có thẩm quyền quyết định việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn đầu tư vào Doanh nghiệp khác phù hợp với pháp luật và Điều lệ của Doanh nghiệp khác.
- Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư. Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư, việc thu lợi tức được chia từ doanh nghiệp khác.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác quy định của pháp luật

Điều 50 : Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện

- Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của Doanh nghiệp khác theo Điều lệ của Doanh nghiệp đó.

- Thực hiện quyền cổ đông chi phối hoặc thành viên góp vốn, liên doanh, phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng theo định hướng chiến lược, mục tiêu của công ty.

- Xin ý kiến đại diện chủ sở hữu vốn trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Công ty liên kết về phương hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, sửa đổi bổ sung Điều lệ, tăng giảm vốn Điều lệ, thu hồi vốn, huy động vốn thêm đầu tư vào doanh nghiệp khác, chia cổ tức, bán tài sản có giá trị lớn (trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Doanh nghiệp khác thì phải cùng nhau bàn bạc, thống nhất ý kiến trước khi phát biểu và biểu quyết)

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn của công ty được giao người đại diện vốn góp. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho công ty đại diện chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

Điều 51 : Tiền lương, thưởng và quyền lợi của Người đại diện

- ả gười đại diện tham gia ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác được hưởng lương, phụ cấp, thưởng và các quyền lợi khác theo quy định trong điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả.

- ả gười đại diện ở doanh nghiệp khác không được doanh nghiệp khác trả lương, phụ cấp, thưởng và các chế độ quyền lợi khác thì Đại diện chủ sở hữu vốn là người trả lương, phụ cấp, tiền thưởng và chế độ khác cho ả gười đại diện. ả gười đại diện không được cùng lúc hưởng lương ở cả hai nơi, chỉ được hưởng phụ cấp trách nhiệm ở Doanh nghiệp khác.

Điều 52 : Tiêu chuẩn của Người đại diện

ả gười đại diện phải là người đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

- Là công dân Việt ả am, thường trú tại Việt ả am. Đối với trường hợp do đơn vị cử thì ả gười đại diện phải là người của đơn vị đó.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đảm đương nhiệm vụ.

- Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành luật pháp.

- Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Đối với người trực tiếp quản lý phần vốn tại liên doanh với nước ngoài phải có trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch.

- Không là bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với những người là Đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp có vốn góp vào doanh nghiệp mà người đó được giao trực tiếp quản lý; không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn mà người đó được cử trực tiếp quản lý.

Điều 53 : Thu lợi tức được chia

Lợi tức được chia từ doanh nghiệp khác, ả gười đại diện có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp khác chuyển tiền lợi tức từ vốn góp cho Công ty.

Điều 54 : Quyền quyết định tăng giảm vốn tại doanh nghiệp khác

Việc dùng lợi tức được chia để tăng phần vốn đầu tư hoặc giảm phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác được quy định như sau:

- ả gười đại diện lập phương án trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt bằng văn bản.

- Phương thức tăng, giảm vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp.

Điều 55 : Xử lý vốn của Công ty thu hồi từ doanh nghiệp khác

Số vốn của Công ty thu hồi khi quyết định giảm bớt phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác, hoặc khi doanh nghiệp khác bị giải thể, phá sản được chuyển về Công ty.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56 : Quy chế quản lý tài chính của Công ty có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành. Trường hợp cần bổ sung, sửa đổi Quy chế tài chính của Công ty, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị ký sửa đổi, bổ sung.

Điều 57: Ngoài những quy định trên đây, Công ty còn phải thực hiện đầy đủ các quy chế tài chính hiện hành của Việt Nam.

Điều 58: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty, đại diện phân vốn của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết, mọi cá nhân, tập thể trong Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Công ty thông qua phòng Kế toán - Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ